TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2017
V/v: T/c Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: *Bà* Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2017/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Bá C, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 3 xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- *Bị đơn:* Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 3 xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn là anh Trịnh Bá C trình bày: Anh và chị Trịnh Thị L kết hôn ngày 04/7/2011, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau kết hôn chị L ở chung với bố mẹ anh và làm ruộng, còn anh tại ngũ và đóng quân ở trung đoàn 9, sư đoàn 304, tại tỉnh Bắc Giang. Đến đầu năm 2017 đơn vị anh chuyển về xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng một năm sau kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh đi công tác xa không có thời gian quan tâm đến chị L, chị L không thông cảm với

anh nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tháng 10/2016, vợ chồng đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn chị L.

Bị đơn, chị Trịnh Thị L trình bày: Chị xác nhận lời trình bày của anh C là đúng về thời gian kết hôn và quá trình chung sống. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh C có quan hệ với người phụ nữ khác, chị có khuyên bảo nhưng anh C không nghe, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tháng 10/2016, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C xin ly hôn, chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh C, chị L đều xác định, vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Minh L, sinh ngày 13/02/2012, hiện cháu đang ở với bố mẹ anh C. Ly hôn, anh C, chị L đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Chị L yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 500.000 đồng một tháng.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay: Anh C, chị L tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp: Anh C, chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Bá C và chị Trịnh Thị L kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình, đó là một hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ, lời trình bày của anh C, chị L tại phiên tòa cho thấy, sau kết hôn khoảng một năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 10/2016 anh C, chị L sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh C, chị L thuận tình ly hôn, cần chấp nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự.

[2]Về con chung: Anh C, chị L xác định có một con chung là cháu Trịnh Minh L, sinh ngày 13/02/2012, hiện cháu đang ở với bố mẹ anh C tại xã P, huyện C. Ly hôn các bên đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh C

không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị L yeu cầu cấp dưỡng số tiền 500.000đ một tháng. Xét điều kiện kinh tế của anh C, chị L thì các bên đều có thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống của 2 người. Tuy nhiên anh C hiện đang công tác trong lực lượng vũ trang, tính chất nghề nghiệp của anh C là đơn vị chiến đấu, nơi ở không ổn định nên không thể đảm bảo việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về phía chị L cũng có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, có thời gian trông nom, chăm sóc trực tiếp cho con chung. Để đảm bảo cho cháu phát triển toàn diện nên giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị L giữ quan điểm yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 500.000đ /một tháng. Đây là sự tự nguyện của chị L cần chấp nhận và cần buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L từng tháng, mỗi tháng số tiền là 500.000đ kể từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu thành niên.

[3] Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay: Anh C, chị L thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[4] Về công sức đóng góp: Anh C, chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Anh C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng căn cứ các Điều 55, Điều 58, khoản 1, 2 điều 81; điều 82; điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Đề nghị xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Bá C và chị Trịnh Thị L

Về con chung: giao chị Trịnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trịnh Minh L, sinh ngày 13/02/2012. Anh Trịnh Bá C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Trịnh Thị L là 500.000đ/tháng, kể từ tháng 10/2017 đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng định kỳ theo tháng.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay: Hai bên thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu giải quyết, không đặt ra giải quyết.

Về công sức đóng góp: Hai bên xác định không có, không yêu cầu giải quyết, không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Trịnh Bá C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, khoản 1, 2 điều 81, 82, 83, 110,116,117,118 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Bá C và chị Trịnh Thị L.

2.Về con chung: Giao con chung là Trịnh Minh L, sinh ngày 13/02/2012 cho chị Trịnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 10/2017. Anh Trịnh Bá C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị L từng tháng, mỗi tháng số tiền là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 10/2017 đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị L và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3.Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh C chị L không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4.Về án phí: Anh Trịnh Bá C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002611 ngày 27/6/2017. Anh Trịnh Bá C còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Chuyền, chị Liên có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Đương sự
- VKSND huyện C
- UBND xã P
- CC THADS huyện C
- Lưu HS-VP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lạc